TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2026
"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thám và bà Trần Thị Bích Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Quang Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1979; số căn cước: 052179017620, cấp ngày 10/5/2021, địa chỉ: Làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Văn L, sinh năm 1977; số căn cước: 052077020878, cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: Làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa bà Trần Thị Ú trình bày: Tôi và ông Hồ Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đ (cũ), tỉnh Gia Lai tại Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2008 ngày 12/9/2008. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2015 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mỗi người mỗi quan điểm và không còn quan tâm đến nhau nên đến năm 2021 chúng tôi chính thức ly thân. Trước đây, tôi có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó tôi suy nghĩ vì con nên đã rút đơn khởi kiện nhưng hôm nay, tôi đã suy nghĩ rất kỹ, chúng tôi không còn tình cảm vợ chồng nên không thể trở về có cuộc sống hạnh phúc được. Tôi giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L. Về con chung, chúng tôi có 03 con chung là Hồ Văn N, sinh ngày 10/12/2005, Hồ Văn S, sinh

ngày 05/6/2007 và Hồ Văn S1, sinh ngày 02/01/2014. Hiện nay cháu N và cháu S đã trưởng thành và tự lực được nên tôi không yêu cầu gì, còn cháu Hồ Văn S1, sinh ngày 02/01/2014 chưa trưởng thành nên tôi yêu cầu được nuôi cháu S1. Về cấp dưỡng nuôi con, trước đây tôi có yêu cầu ông L cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng để tôi nuôi con nhưng nay tôi xét thấy ông L không có thu nhập ổn định và tôi đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Hồ Văn L có ý kiến tại Văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều ghi ngày 05/01/2026 có nội dung về hôn nhân ông L đồng ý ly hôn với bà Ú; về con chung ông L đồng ý để bà Ú nuôi các con chứ ông L không ý kiến gì. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản ông L không có yêu cầu gì. Ông L đề nghị được vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về hôn nhân bà Trần Thị Ú được ly hôn với ông Hồ Văn L; về con chung cháu N và cháu S đã trưởng thành và tự lực được nên các đương sự không yêu cầu, còn cháu Hồ Văn S1, sinh ngày 02/01/2014 chưa trưởng thành nên đề nghị giao cho bà Trần Thị Ú nuôi cháu S1 cho đến khi trưởng thành và tự lực được. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà Ú trình bày đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, bà Ú phải chịu án 300.000đ phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Ú yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn L, địa chỉ tại Làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Hồ Văn L đã được Tòa án đã thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ú và ông Hồ Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và bà Ú làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông L. Quá trình giải quyết vụ án ông L không đến Tòa án để hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Theo kết quả xác minh thì xác định giữa ông L và bà Ú có mâu thuẫn và không còn chung sống cùng

nhau là đúng sự thật. Tại phiên toà bà Ú trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm và không còn tôn trọng nhau nên bà Ú giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L. Xét thấy, bà Ú và ông L có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bà Ú được ly hôn với ông L là có cơ sở.

[4] Về con chung: Bà Ú và ông L có 03 con chung là Hồ Văn N, sinh ngày 10/12/2005, Hồ Văn S, sinh ngày 05/6/2007 và Hồ Văn S1, sinh ngày 02/01/2014. Hiện nay cháu N và cháu S đã trưởng thành và tự lực được nên các đương sự không yêu cầu gì. Đối với cháu Hồ Văn S1 chưa trưởng thành và bà Ú yêu cầu được nuôi cháu S1. Trong ý kiến của ông L đồng ý để bà Ú nuôi con. Qua tham khảo ý kiến của cháu S1 có nguyện vọng được ở với mẹ, do vậy, giao cho bà Ú nuôi con chung là cháu Hồ Văn S1, sinh ngày 02/01/2014 cho đến khi trưởng thành và tự lực được là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Khi nộp đơn bà Ú yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng nhưng tại phiên tòa bà Ú trình bày, ông L không có thu nhập và bà Ú đủ điều kiện để nuôi con nên bà Ú không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc tại phiên bà Ú có ý kiến không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, vì thế, Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con bà Ú không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Út .

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ú được ly hôn với ông Hồ Văn L.

2. Về nuôi con: Giao cho bà Trần Thị Ú trực tiếp nuôi con là cháu Hồ Văn S1, sinh ngày 02/01/2014 cho đến khi cháu S1 thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Ú không yêu cầu ông Hồ Văn L, cấp dưỡng nuôi con.

- Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005288 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà Ú đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, ông Hồ Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2026) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Cơ quan THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Đak Pơ, Gia Lai (Để ghi vào Sổ hộ tịch; Kết hôn số 08 ngày 12/9/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn